



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN

APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 01 năm 2025
của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên Tổ chức giám định / Name of Inspection Body:	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH VINACONTROL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI PHÚ MỸ CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH VINACONTROL THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VINACONTROL VINACONTROL HO CHI MINH CITY INSPECTION COMPANY LIMITED AT PHU MY BRANCH VINACONTROL HO CHI MINH CITY INSPECTION COMPANY LIMITED VINACONTROL GROUP CORPORATION		
Mã số công nhận / Accreditation Code:	VIAS 015		
Địa chỉ trụ sở chính / Head office address:	54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội 54 Tran Nhan Tong street, Nguyen Du ward, district 3, Ha Noi capital		
Địa điểm công nhận / Accredited locations:	66 Nguyễn Hữu Thọ khu phố Tân Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 66 Nguyen Huu Tho street, Tan Phu village, Phu My ward, Phu My town, Ba Ria – Vung Tau province		
Điện thoại/ Tel:	02543 876 563		
Email:	vncphumy@vinacontrol.com.vn	Website:	www.vinacontrol.com.vn
Loại tổ chức giám định/ Type of Inspection:	Loại A Type A		
Người đại diện / Authorized Person:	Ngô Trung Hiếu		
Hiệu lực công nhận đến / Period of Validation :	Kể từ ngày / 01 / 2025 đến ngày / 01 / 2030		

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 015

Lĩnh vực giám định <i>Field of inspection</i>	Nội dung giám định <i>Range of inspection</i>	Phương pháp giám định <i>Inspection methods</i>	Bộ phận liên quan <i>Related division</i>
Định lượng : Hàng hóa, phế liệu Quantity: Cargo, scrap	Số lượng, kiểm đếm Khối lượng theo cân và mớn nước <i>Quantity, tally</i> <i>Weight by scan method, weight by draft survey</i>	KT-PPGD02-CT KT-PPGD03-CT KT-PPGD04-CT KT-PPGD65-CT 10.1KT-PPGD65.1-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>
Khí, dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ Gas, petroleum and Petroleum products	Số lượng, khối lượng theo thể tích Chất lượng (đặc tính hoá, lý) <i>Quantity, weight by volume method</i> <i>Quality (chemmical, physical characteristics)</i>	10.1KT-PPGD61-CT 10.1KT-PPGD60-CT KT-PPGD59-CT 10.1KT-PPGD63-CT 10.1KT-PPGD85-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>
Than đá Coals	Số lượng, khối lượng theo cân và mớn nước Chất lượng (đặc tính cơ, hoá, lý) <i>Quantity, weight by scan method, weight by draft survey</i> <i>Quality (chemmical, physical characteristics)</i>	KT-PPGD65-CT 10.1KT-PPGD65.1-CT KT-PPGD04-CT KT-PPGD08-CT 10.1KT-PPGD53-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>
Nông sản: Gỗ, dăm gỗ Agriculture products: Wood, woodchips	Số lượng, khối lượng theo cân và mớn nước Chất lượng (quy cách, độ ẩm, tạp chất) <i>Quantity, weight by scan method, weight by draft survey</i> <i>Quality (size, moisture, impurity characteristics)</i>	KT-PPGD65-CT 10.1KT-PPGD65.1-CT KT-PPGD04-CT 10.1KT-PPGD47-CT 10.1KT-HDGD04-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 015

Lĩnh vực giám định <i>Field of inspection</i>	Nội dung giám định <i>Range of inspection</i>	Phương pháp giám định <i>Inspection methods</i>	Bộ phận liên quan <i>Related division</i>
Vật liệu xây dựng: Clinker, cát Construction materials: Clinker, Sand	Số lượng, khối lượng theo cân và mớn nước Chất lượng (đặc tính cơ, hoá, lý) <i>Quantity, weight by scan method, weight by draft survey</i> <i>Quality (mechanical, chemmical, physical characteristics)</i>	KT-PPGD65-CT 10.1KT-PPGD65.1-CT 10.1KT-PPGD54-CT KT-PPGD08-CT KT-PPGD04-CT KT-PPGD52-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>
Phế liệu Phế liệu sắt, thép Phế liệu giấy Phế liệu kim loại màu Scraps Steel scraps Paper scraps Non - ferrous metal scraps	Số lượng, khối lượng theo cân và mớn nước Chất lượng : phân loại theo mã HS, quy cách, xác định tỷ lệ tạp chất, đo hoạt độ phóng xạ bề mặt <i>Quantity, weight by scan method, weight by draft survey</i> <i>Quality (Classifield by HS code, size, impurity ratio, surface radioactivity)</i>	KT-PPGD82.1-CT KT-PPGD82.3-CT KT-PPGD82.5-CT KT-PPGD65-CT 10.1KT-PPGD65.1-CT KT-PPGD02-CT KT-PPGD03-CT KT-PPGD04-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>
Máy móc, thiết bị : Máy, thiết bị và dây chuyền công nghệ Machine, equipment: Machines, equipments and production line	Số lượng, chủng loại, tình trạng chất lượng, năm sản xuất, xuất xứ, tính đồng bộ, phạm vi sử dụng, thông số kỹ thuật, tính chuyên dụng. <i>Quantity, type, condition, manufactured year, origin, completeness, use field, specifications, speciality</i>	KT-PPGD02-CT KT-PPGD07-CT KT-PPGD08-CT 10.1KT-PPGD24-CT 10.1KT-PPGD25-CT 10.1KT-PPGD26-CT 10.1KT-PPGD27-CT 10.1KT-PPGD29-CT 10.1KT-PPGD96-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 015

Lĩnh vực giám định <i>Field of inspection</i>	Nội dung giám định <i>Range of inspection</i>	Phương pháp giám định <i>Inspection methods</i>	Bộ phận liên quan <i>Related division</i>
Hàng hải: Phương tiện vận chuyển Marine: Means of transportation	Kín chắc hầm hàng Sạch sẽ hầm hàng Niêm phong, kẹp chì <i>Ship's holds</i> <i>Cleanliness of hatch</i> <i>Tightness of hatches</i>	10.1KT-PPGD66-CT 10.1KT-PPGD67-CT 10.1KT-PPGD68-CT KT-HDGD08-CT	Bộ phận giám định <i>Inspection Division</i>

Ghi chú/ Note:

- KT-PPGDxx-CT: Quy trình phương pháp giám định nội bộ / *Vinacontrol's developed inspection procedures*
- Trường hợp Chi nhánh Công ty TNHH Giám định Vinacontrol Tp. HCM tại Phú Mỹ cung cấp dịch vụ giám định thì Chi nhánh Công ty TNHH Giám định Vinacontrol Tp. HCM tại Phú Mỹ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the Vinacontrol Ho Chi Minh City Inspection Company Limited at Phu My Branch, that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

VIAS 015

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định và năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures and version</i>
Giám định/Kiểm định số lượng chi tiết	KT-PPGD02-CT 01/07/2021
Giám định khối lượng bằng cân bàn	KT-PPGD03-CT 01/07/2021
Giám định cân hàng bằng cân cầu	KT-PPGD04-CT 01/07/2021
Giám định/Kiểm định tình trạng	KT-PPGD07-CT 01/07/2021
Giám định/Kiểm định quy cách phẩm chất - chất lượng	KT-PPGD08-CT 12/01/2023
Giám định dây chuyền máy móc thiết bị	10.1KT-PPGD24-CT 01/01/2011
Giám định sự đồng bộ của máy móc thiết bị	10.1KT-PPGD25-CT 01/01/2011
Giám định tính chuyên dùng của máy móc thiết bị	10.1KT-PPGD26-CT 01/01/2011
Giám định phạm vi sử dụng của máy móc thiết bị	10.1KT-PPGD27-CT 01/01/2011
Giám định nghiệm thu máy móc thiết bị	10.1KT-PPGD29-CT 01/01/2011
Giám định dăm gỗ xuất khẩu	10.1KT-PPGD47-CT 01/05/2018
Hướng dẫn thực hiện giám định dăm gỗ theo yêu cầu IWC	10.1KT-HDGD04-KT 24/04/2018
Giám định cát trắng xuất khẩu	KT-PPGD52-CT 22/02/2022
Giám định than đá	10.1KT-PPGD53-CT 01/04/2019
Giám định Clanhke xi măng poóc lăng	10.1KT-PPGD54-CT 01/01/2011
Giám định số, khối lượng xăng dầu từ tàu giao sang tàu nhận	KT-PPGD59-CT 01/07/2024
Xác định khối lượng hoá chất lỏng chuyên chở bằng tàu biển	10.1KT-PPGD60-CT 01/01/2011
Giám định khối lượng hàng lỏng tại bồn trong giao nhận	10.1KT-PPGD61-CT 01/01/2011
Giám định khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG)	10.1KT-PPGD63-CT 06/08/2012
Giám định khối lượng theo mớn nước trong giao nhận hàng hóa	KT-PPGD65-CT 31/01/2023
Xác định khối lượng theo mớn nước lô hàng xếp trên phương tiện thủy nội địa/ sà lan	10.1KT-PPGD65.1-CT 01/06/2019
Giám định kín chắc hầm tàu	10.1KT-PPGD66-CT 01/01/2011
Giám định vệ sinh hầm tàu	10.1KT-PPGD67-CT 01/01/2011
Giám định sạch sẽ hầm hàng tàu/sà lan chở dầu thực vật	10.1KT-PPGD68-CT 01/01/2011
Giám định chất lượng Phế liệu Sắt, Thép nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường	KT-PPGD82.1-CT 01/02/2022
Giám định chất lượng Phế liệu Giấy nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường	KT-PPGD82.3-CT 01/02/2022
Giám định chất lượng Phế liệu Kim loại màu nhập khẩu phù hợp với quy định về bảo vệ môi trường	KT-PPGD82.5-CT 01/02/2022
Giám định chất lượng lô hàng sản phẩm dầu mỏ và nhiên liệu sinh học	10.1KT-PPGD85-CT 15/09/2018
Giám định xuất xứ máy móc thiết bị nhập khẩu	10.1KT-PPGD96-CT 01/12/2015
Tài liệu hướng dẫn kiểm tra và thực hiện niêm phong	KT-HDGD08-CT 01/11/2021


PKM